

ĐIỀU LỆ

HỘI NUÔI ONG VIỆT NAM

Chương I

TÊN GỌI, TÊN CHỈ MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên Hội.

Tên giao dịch chính thức là **HỘI NUÔI ONG VIỆT NAM**

Tên giao dịch quốc tế : **Vietnamese Beekeepers Association** - Viết tắt là: **VBA**

Điều 2. Hội nuôi ong Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những người nuôi ong và những người hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học - kỹ thuật phục vụ cho nghề nuôi ong.

Điều 3. Mục đích của Hội là tập hợp rộng rãi những người nuôi ong, những người hoạt động về kinh tế và khoa học - kỹ thuật trong ngành hoặc liên quan đến nghề nuôi ong, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau tạo điều kiện để mọi thành viên nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cống hiến cho sự nghiệp phát triển ngành ong, góp phần xây dựng đất nước Việt nam giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Điều 4. Hội có pháp nhân, có con dấu và tài chính, tài khoản riêng. Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước. Trụ sở chính của Hội đặt tại Hà Nội và có Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác khi có nhu cầu và được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đặt văn phòng chấp thuận.

Hội hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và theo Điều lệ Hội được Đại hội thông qua.

Hội nuôi ong Việt Nam là thành viên của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt nam và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bảo trợ. Hội là thành viên Hội nuôi ong Quốc tế (APIMONDIA), Hội nuôi ong châu Á (AAA) và có thể là hội viên các hội hoặc các tổ chức trong nước quốc tế liên quan khác mà Hội tham gia.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Hội nuôi ong Việt Nam có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Đại diện hợp pháp về kinh tế, khoa học kỹ thuật và là cơ quan phát ngôn chính thức đại diện cho toàn thể hội viên trong quan hệ, giao dịch với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế nhằm ổn định, phát triển Hội và bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngành ong Việt Nam và các hội viên.

2. Sáng tạo và sở hữu tên hiệu, nhãn hiệu, mạng lưới tổ chức cơ sở, hội viên và các cơ sở vật chất kinh tế kỹ thuật của Hội, nhằm đảm bảo tính thống nhất và chủ động trong các hoạt động của Hội nuôi ong Việt nam.

3. Đại diện cho các hội viên ngành ong tham gia tư vấn và phản biện với các cơ quan Nhà nước, và hoặc các tổ chức trong ngoài nước trong việc hoạch định các chính sách, dự án phát triển, xây dựng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn định mức kinh tế-kỹ thuật của ngành ong.

4. Đào tạo, tập huấn, cho người nuôi ong hoặc các tổ chức và cá nhân có nhu cầu về kinh tế kỹ thuật, khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ các sản phẩm ong hoặc liên quan cho các hội viên và cộng đồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, mở rộng thị trường nhằm tăng hiệu quả kinh tế xã hội của nghề nuôi ong.

5. Tiến hành các hoạt động kinh tế theo qui định của pháp luật nhằm tạo nguồn thu cho quỹ hội như Tổ chức, xây dựng và quản lý các Trung tâm đào tạo - dạy nghề, dịch vụ, tư vấn kinh tế kỹ thuật, tổ chức các hội nghị, hội thảo, tham quan học tập trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thương mại của nghề ong.

6. Xuất bản tập san, tạp chí, thông tin chuyên ngành, các tài liệu giảng dạy, hướng dẫn kinh tế kỹ thuật ngành ong.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên

1. Các tổ chức và công dân Việt nam nuôi ong, liên quan đến ngành ong hoặc quan tâm đến các lĩnh vực của ngành ong, có đơn tự nguyện xin gia nhập Hội và tuân theo điều lệ của Hội đều được kết nạp là hội viên của Hội nuôi ong Việt nam.
2. Những người Việt nam ở nước ngoài có kiến thức về ngành ong, có nhiệt tình đóng góp cho Hội được xét kết nạp là hội viên tán trợ của Hội nuôi ong Việt nam sau khi được Ban Thường vụ xét chấp thuận.

Hội viên tán trợ không tham gia bầu cử và ứng cử Ban lãnh đạo Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 7. Hội viên có nghĩa vụ.

1. Tôn trọng, chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội. Bảo vệ uy tín của Hội, của nghề nuôi ong. Hoàn thành nhiệm vụ của Hội giao.
2. Tích cực học tập và hoạt động thực tế để không ngừng nâng cao tay nghề, trình độ khoa học - kỹ thuật, trao đổi hợp tác với Hội và các hội viên và những người nuôi ong khác nhằm phát triển Hội và nghề nuôi ong bền vững.
3. Tuyên truyền và phát triển hội viên mới.
4. Bảo mật các tư liệu kinh tế, kỹ thuật của Hội khi chưa được công bố công khai và bảo vệ tài sản của Hội.
5. Tham gia sinh hoạt của Hội đầy đủ; đóng lệ phí và hội phí theo quy định của Hội.

Điều 8. Hội viên có quyền.

1. Thảo luận, biểu quyết, tham gia ý kiến, chất vấn, kiến nghị về công tác của Hội.
2. Tham gia bầu cử, đề cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.
3. Được Hội giúp đỡ trong sản xuất, kinh doanh, đào tạo, tư vấn, thông tin, tham dự các diễn đàn, hội nghị... về nghề nuôi ong trong nước và quốc tế.

- Được nhận tạp chí, thông tin chuyên ngành của Hội và hưởng các quyền lợi khác do Hội đặt ra.
- Được xin ra khỏi Hội.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 9. Đại hội đại biểu Hội nuôi ong toàn quốc

Đại hội đại biểu và hoặc Đại hội Hội nuôi ong toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, 5 năm họp một lần.

Trong trường hợp nếu có yêu cầu của quá 2/3 ủy viên ban chấp hành đương nhiệm hoặc quá 1/2 số Hội nuôi ong cấp tỉnh, thành phố (hội cấp tỉnh hay hội viên – điểm 3, điều 19, ND 88), Ban chấp hành Trung ương Hội phải triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Số lượng đại biểu dự đại hội toàn quốc do Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Đại hội có nhiệm vụ:

1. Thảo luận và thông qua Báo cáo nhiệm kỳ công tác của BCH Trung ương Hội.
2. Quyết định mục tiêu phương hướng nhiệm vụ công tác của Hội trong nhiệm kỳ.
3. Bầu ban chấp hành Trung ương Hội.
4. Sửa đổi, bổ sung điều lệ Hội.

Điều 10. Ban chấp hành trung ương Hội

Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Hội là Ban chấp hành trung ương Hội. Ban chấp hành trung ương Hội hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Định kỳ 12 tháng họp một lần. Hội nghị bất thường được triệu tập khi có 2/3 ủy viên Ban chấp hành trung ương Hội yêu cầu.

BCH Trung ương Hội có các nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội;
2. Ban hành các văn bản liên quan đến tổ chức và các mặt hoạt động trong nhiệm kỳ của Hội;
3. Lãnh đạo công tác của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội;
4. Bầu ra Ban thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên thường vụ;
5. Bầu (và bãi miễn) ra Ban kiểm tra của Trung ương Hội. Trưởng ban kiểm tra là ủy viên thường vụ Trung ương Hội;
6. Khi cần thiết Ban chấp hành Trung ương Hội có thể bầu bổ sung thêm ủy viên BCH. Số lượng bổ sung không quá 1/5 số ủy viên hiện có.

Điều 11. Ban thường vụ

1. Ban thường vụ gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch, Tổng thư ký để giúp việc cho Chủ tịch hoặc chịu trách nhiệm theo lĩnh vực được Chủ tịch phân công và Tổng

thư ký để điều hành công việc hàng ngày của Hội. Tổng thư ký có bộ phận văn phòng giúp việc.

2. Ban thường vụ 6 tháng họp một lần. Trường hợp Chủ tịch vì lý do nào đó không điều hành được, Ban chấp hành Hội phải họp đột xuất để bầu Chủ tịch lâm thời. Trong khoảng thời gian đó Tổng thư ký là người điều hành công việc.
3. Ban thường vụ có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết của Đại hội và của BCH trung ương Hội, thành lập các ban chuyên môn giúp việc, tổ chức các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về kinh tế, khoa học- kỹ thuật của Hội theo qui định của Pháp luật. Họp định kỳ 1 năm 1 lần trừ trường hợp đột xuất.

Điều 12. Ban Kiểm tra

1. Ban kiểm tra trung ương Hội có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội, giải quyết thư khiếu nại, khiếu tố liên quan đến các hoạt động, tổ chức và các hội viên (những vấn đề liên quan đến hội viên rất nhiều) của Hội.
2. Ban kiểm tra trung ương Hội có quyền yêu cầu các tổ chức, đơn vị, hội viên báo cáo giải trình những vấn đề có liên quan theo nội dung kiểm tra đã được Ban thường vụ trung ương Hội đồng ý.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm tra là 5 năm.

Điều 13. Tổ chức của Hội tại các tỉnh, huyện

1. Hội nuôi ong được thành lập ở các tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật. Ba năm tổ chức Đại hội một lần. Đại hội đại biểu Tỉnh, thành phố bầu ra Ban chấp hành Hội nuôi ong Tỉnh, Thành phố. Số lượng thành viên Ban chấp hành do Đại hội đại biểu tỉnh, thành phố quyết định. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban chấp hành Tỉnh hội (hoặc thành phố). Ban chấp hành Tỉnh hội bầu ra ban thường vụ gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch và (Tổng) ủy viên thư ký. Họp định kỳ 6 tháng một lần, trừ trường hợp đột xuất.

2. Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội ong tại huyện, quận hoặc các đơn vị có quy mô sản xuất, hoạt động kinh tế độc lập về nghề nuôi ong. Đại biểu đại hội hoặc đại hội toàn chi hội mỗi năm họp một lần để kiểm điểm tình hình, đề ra nhiệm vụ công tác năm tới và bầu ra Ban chấp hành chi hội. Số lượng thành viên Ban chấp hành chi hội do Đại hội chi hội quyết định. Cơ quan lãnh đạo của chi hội giữa hai kỳ đại hội là Ban chấp hành chi hội. Ban chấp hành chi hội bầu ra chi hội trưởng, chi hội phó. Họp định kỳ 6 tháng một lần, trừ trường hợp đột xuất.

Điều 14. Kết nạp hội viên mới

1. Đối với hội viên tập thể
 - a) Nếu là Hội nuôi ong của Tỉnh, thành phố do BCH TW Hội ủy quyền cho Ban thường vụ xét, kết nạp và báo cáo trước Đại hội. Hoặc BCH TW Hội ủy quyền cho Ban thường vụ xét duyệt và báo cáo BCH TW kỳ họp tới.
 - b) Nếu là chi hội nuôi ong của huyện, quận, v.v... do Ban chấp hành Hội tỉnh, thành phố xét kết nạp.
 - c) Nếu là tổ nuôi ong hoặc câu lạc bộ nuôi ong của xã, phường v.v... do Ban chấp hành chi hội nuôi ong xét và kết nạp.
2. Đối với hội viên là cá nhân Ban chấp hành các cấp kết nạp.

Chương IV

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 15. Các nguồn thu của Hội gồm có:

1. Lệ phí cấp thẻ hội viên.
2. Hội phí hàng năm của hội viên.
3. Các khoản thu từ các hoạt động kinh tế, thông tin, đào tạo, tư vấn - dịch vụ khoa học, kỹ thuật của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Các khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nước.
5. Các khoản thu khác của Hội.

Điều 16. Các khoản chi của Hội gồm có:

1. Biên tập, in ấn và xuất bản Thông tin (Tạp chí, tập san chuyên ngành). Tuyên truyền, cổ động, quảng cáo và giúp đỡ xây dựng phong trào nuôi ong địa phương;
2. Lương, công tác phí hoặc phụ cấp cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên (làm việc chính nhiệm hoặc kiêm nhiệm) hoạt động chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp của Hội;
3. Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hội viên và cán bộ của Hội;
4. Chi các hoạt động quan hệ và hợp tác Quốc tế;
5. Chi hoạt động kinh tế, khoa học- kỹ thuật của Hội;
6. Chi xây dựng cơ bản của Hội;
7. Chi hành chính;
8. Chi khen thưởng hội viên trong các hoạt động công tác Hội;
9. Các khoản chi khác.

Điều 17. Quản lý tài chính, tài sản của Hội:

Hội có tài chính, tài sản độc lập. Việc thu, chi, quyết toán, quản lý và sử dụng của Hội theo qui chế của Ban thường vụ trung ương Hội và theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 18. Khen thưởng.

Các cá nhân, các tổ chức của Hội có nhiều thành tích sẽ được Ban thường vụ trung ương Hội qui định khen thưởng bằng các hình thức sau:

1. Giấy khen;
2. Bằng khen;
3. Giải thưởng "Ong vàng Việt nam" của Hội;

4. Đề nghị lên Nhà nước, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các cấp chính quyền, các tổ chức kinh tế-xã hội, khoa học kỹ thuật xét khen thưởng.

Điều 19. Kỷ luật.

Hội viên là các tổ chức, cá nhân vi phạm điều lệ, các quy định, quy chế của Hội và không đóng hội phí và các đóng góp chung theo qui định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Ban thường vụ Hội có thể quyết định xử lý theo các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách;
2. Cảnh cáo;
3. Khai trừ khỏi Hội.

Trường hợp hội viên bị Tòa án tước quyền công dân, đương nhiên không được tham gia các chức vụ lãnh đạo của Hội.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực của Điều lệ.

Bản điều lệ này gồm 6 chương, 20 điều có hiệu lực và giá trị pháp lý chính thức đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Hội nuôi ong Việt nam thông qua và được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận.

Chỉ có Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội nuôi ong Việt nam mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.